

**PHỤ LỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN**  
**HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ**  
**THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../QĐ-BNNMT..... ngày .... tháng ... năm 2025  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ**

**1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (NHÓM A)**

| TT       | Mã TTHC (nếu có)                         | Tên thủ tục hành chính                                                          | Lĩnh vực        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ quan thực hiện            | Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định |
|----------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b> |                                                                                 |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                              |                                        |
| <b>I</b> | <b>LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>          |                                                                                 |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                              |                                        |
| 1        | 5.000119                                 | Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường     | Bảo vệ thực vật | - Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;<br>- Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP<br>- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Môi trường           |
| 2        | 5.000120                                 | Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo vệ thực vật | - Điều 19 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;<br>- Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP<br>- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố                                                                                                                               | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Môi trường           |

|           |                            |                                                                                     |                 |                                                                                                                            |                              |                              |
|-----------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|           |                            |                                                                                     |                 | dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật |                              |                              |
| 3         | 6.000224                   | Tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật       | Bảo vệ thực vật | - Điều 35 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;<br>- Điều 8, 10, 11, 12 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP                  | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 4         | 5.000121                   | Tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật                 | Bảo vệ thực vật | - Điều 35 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;<br>- Điều 9, 11, 13 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP                      | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 5         | 5.000122                   | Quyết định việc hỗ trợ chống dịch hại thực vật và triển khai việc hỗ trợ chống dịch | Bảo vệ thực vật | Điểm b khoản 1 Điều 18 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013                                                          | Thủ tướng Chính phủ          | Thủ tướng Chính phủ          |
| 6         | 5.000123                   | Quyết định xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia để kịp thời chống dịch   | Bảo vệ thực vật | - Điều 20 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;<br>- Luật Dự trữ quốc gia năm 2012                                   | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 7         | 5.000124                   | Quyết định về số lượng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia              | Bảo vệ thực vật | - Điều 20 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013                                                                       | Thủ tướng Chính phủ          | Thủ tướng Chính phủ          |
| <b>II</b> | <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b> |                                                                                     |                 |                                                                                                                            |                              |                              |
| 1         | 5.000078                   | Phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt                                          | Trồng trọt      | Khoản 3 Điều 5 Luật Trồng trọt năm 2018                                                                                    | Thủ tướng Chính phủ          | Thủ tướng Chính phủ          |
| 2         | 5.000109                   | Xây dựng đề án, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa    | Trồng trọt      | Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP                                                                                        | Cấp có thẩm quyền            | Cấp có thẩm quyền            |

|                                      |          |                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |                                   |
|--------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 3                                    | 5.000110 | Đánh giá, xếp hạng năng lực thực hiện việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt của các tổ chức | Trồng trọt      | Điều 14 Thông tư 18/2019/TT-BNNPTNT                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật |
| <b>B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |          |                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |                                   |
| <b>I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>   |          |                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |                                   |
| 1                                    | 5.000125 | Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                        | Bảo vệ thực vật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;</li> <li>- Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP</li> <li>- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật</li> </ul> | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh          | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh          |
| 2                                    | 5.000126 | Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh                                                    | Bảo vệ thực vật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều 19 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;</li> <li>- Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP</li> <li>- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật</li> </ul>    | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh          | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh          |
| <b>II LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>        |          |                                                                                                                                |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |                                   |
| 1                                    | 6.002276 | Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi                                                                        | Trồng trọt      | Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh          | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh          |

|                                       |          |                                                                                                                                                                    |               |                                                                           |                                    |                                 |
|---------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
|                                       |          | trên đất trồng lúa<br>phạm vi toàn tỉnh                                                                                                                            |               |                                                                           |                                    |                                 |
| 2                                     | 6.000242 | Ban hành Danh<br>mục loài cây trồng<br>thuộc các loại cây<br>lâu năm được<br>chứng nhận quyền<br>sở hữu trên địa bàn<br>tỉnh                                       | Trồng<br>trọt | Khoản 1 Điều 5<br>Thông tư liên tịch số<br>22/2016/TTLT-<br>BNNPTNT-BTNMT | Ủy ban<br>nhân dân<br>cấp tỉnh     | Ủy ban nhân<br>dân cấp tỉnh     |
| 3                                     | 6.000243 | Lập kế hoạch, đề án<br>phát triển vùng sản<br>xuất hàng hóa tập<br>trung                                                                                           | Trồng<br>trọt | Khoản 2 Điều 62 Luật<br>Trồng trọt năm 2018                               | Ủy ban<br>nhân dân<br>cấp tỉnh     | Ủy ban nhân<br>dân cấp tỉnh     |
| 4                                     | 6.000244 | Xác định, công bố<br>vùng sản xuất trên<br>vùng đất dốc, đất<br>trũng, đất phèn, đất<br>mặn, đất cát ven<br>biển và đất có nguy<br>cơ sa mạc hóa,<br>hoang mạc hóa | Trồng<br>trọt | Khoản 4 Điều 71 Luật<br>Trồng trọt năm 2018                               | Ủy ban<br>nhân dân<br>cấp tỉnh     | Ủy ban nhân<br>dân cấp tỉnh     |
| <b>C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b> |          |                                                                                                                                                                    |               |                                                                           |                                    |                                 |
| <b>I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>         |          |                                                                                                                                                                    |               |                                                                           |                                    |                                 |
| 1                                     | 6.002284 | Ban hành Kế hoạch<br>chuyển đổi cơ cấu<br>cây trồng, vật nuôi<br>trên đất trồng lúa<br>phạm vi toàn huyện                                                          | Trồng<br>trọt | Khoản 2 Điều 7 Nghị<br>định số<br>112/2024/NĐ-CP                          | Ủy ban<br>nhân<br>dân cấp<br>huyện | Ủy ban nhân<br>dân cấp<br>huyện |
| <b>D THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>    |          |                                                                                                                                                                    |               |                                                                           |                                    |                                 |
| <b>I. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>         |          |                                                                                                                                                                    |               |                                                                           |                                    |                                 |
| 1                                     | 6.002288 | Ban hành Kế hoạch<br>chuyển đổi cơ cấu<br>cây trồng, vật nuôi<br>trên địa bàn xã                                                                                   | Trồng<br>trọt | Khoản 3 Điều 7 Nghị<br>định số<br>112/2024/NĐ-CP                          | Ủy ban<br>nhân dân<br>cấp xã       | Ủy ban nhân<br>dân cấp xã       |

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

#### **I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT**

##### **1. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Báo cáo tình hình sinh vật gây hại

Căn cứ điều kiện công bố dịch hại thực vật quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.

- Bước 2: Quyết định công bố dịch hại thực vật

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào báo cáo của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định công bố dịch trong trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật khi dịch xảy ra có nguy cơ lây lan, gây thiệt hại nghiêm trọng từ hai tỉnh trở lên và trường hợp phát hiện sinh vật gây hại lạ, đối tượng phải kiểm soát có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật; phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ lây lan, đồng thời báo cáo ngay Thủ tướng Chính phủ.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

- Bước 3: Công khai Quyết định công bố

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ

thực vật (Phụ lục 9 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phụ lục 10 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch ở Trung ương (Phụ lục 11 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 11 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phụ lục 9 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phụ lục 10 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch ở Trung ương (Phụ lục 11 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- \* Công bố dịch hại thực vật trong các trường hợp sau đây:

- Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật từ hai tỉnh trở lên;

- Khi phát hiện sinh vật gây hại lạ, đối tượng phải kiểm soát có nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật;

- Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ lây lan.

- \* Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

- Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật;

- Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo

hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

\* Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ

Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

1) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

## Phụ lục 9

### Tờ trình đề nghị công bố dịch ở trung ương

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC TRỒNG TRỌT  
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-TTTV

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

### TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị công bố dịch (tên dịch hại).....trên (tên cây trồng).....  
trên địa bàn các tỉnh/ vùng.....

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Nội dung Tờ trình bao gồm 3 phần chính:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có đề xuất các phương án chống dịch).

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

*(Báo cáo chi tiết kèm theo)*

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Bộ trưởng phê duyệt và ra quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ Kế hoạch-Tài chính;
- .....
- Lưu: VT, TTTV.

#### **CỤC TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Số: /TTTTV-..

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

## BÁO CÁO

**Tình hình** (tên sinh vật gây hại) ... (tên cây trồng) ... **trên địa bàn** .....  
(Kèm theo Tờ trình số .... Ngày ... tháng ... năm ... của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

### I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.
2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển  
Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.
3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (bảng thống kê kèm theo)

### II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện  
(Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện)
2. Kết quả phòng trừ.

### III. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch
  - Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng;
  - Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng;
  - Yếu tố thời tiết;
  - Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh;
  - Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh),...;
  - Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.
2. Dự kiến:
  - Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;
  - Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;
  - Địa điểm bùng phát dịch hại;
  - Khả năng thiệt hại năng suất (%).

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Kế hoạch- Tài chính;
- .....
- Lưu: VT, TTBV.

**CỤC TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

# CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

## BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM

(tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng) .....

Đến ngày ..... tháng..... năm ...

(Kèm theo Tờ trình số :... ngày... tháng ... năm... của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

| STT | Tỉnh/Huyện/Xã | Giai đoạn<br>sinh<br>trưởng<br>của cây<br>trồng | Diện tích nhiễm (ha)                      |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>dự kiến<br>(ha) | Ghi chú |
|-----|---------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------|---------|
|     |               |                                                 | Tổng số                                   |                                                         |                                                   | Nặng                                      |                                                       |                                                   | Mất trắng                                 |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện tại<br>(ha) | Diện tích<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(ha) * | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(%) | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện tại<br>(ha) | Diện<br>tích TB<br>02 năm<br>trước<br>liền kề<br>(ha) | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(%) | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện<br>tại (ha) | Diện tích<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(ha) | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(%) |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |

(\* )Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liền kề chia trung bình

**Phụ lục 11**

**Quyết định công bố dịch ở Trung ương**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm 20

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố dịch (tên dịch hại)..... hại (tên cây trồng) ..... trên địa bàn .....**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;*

*Xét đề nghị của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại Tờ trình số ...../TTr-TTTr ngày ..... tháng ..... năm 20....,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố dịch (tên dịch hại)... hại (tên cây trồng) ... trên phạm vi ..... Bắt đầu từ (ngày, tháng, năm) .....

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (tên)..... có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo công tác giám sát để phát hiện kịp thời, công bố và khoanh vùng dịch (tên dịch hại)..... trên địa bàn của địa phương; thành lập Ban chỉ đạo các cấp.

2. Tổ chức thực hiện công tác phòng, trừ dịch bệnh tại địa phương theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, huy động sự tham gia của nông dân, ngành nông nghiệp, tổ chức chính quyền và hệ thống chính trị các cấp và chủ động nguồn kinh phí địa phương để phòng, trừ dịch.

3. Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại và biện pháp phòng trừ phòng trừ dịch.

4. Thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng, trừ dịch theo quy định.

5. Báo cáo thường xuyên Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan về tình hình dịch tại địa phương và kết quả công tác phòng, trừ dịch.

**Điều 3.** Các Cục thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chỉ đạo các cơ quan chuyên ngành bảo vệ thực vật các cấp tổ chức tốt công tác dự tính dự báo tình hình phát sinh, diễn biến dịch hại và thông báo kịp thời, hướng dẫn các cấp và nông dân biết để chủ động phòng, trừ và dập tắt dịch; kiểm tra công tác phòng, trừ dịch tại các địa phương.

2. Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn nông dân các biện pháp về sử dụng giống, bố trí mùa vụ, kỹ thuật gieo trồng, quản lý dinh dưỡng, quản lý nước tưới để giúp cây trồng chống, chịu bệnh tốt.

3. Các tổ chức khoa học và chuyển giao công nghệ có liên quan có trách nhiệm:

- Tham gia xác định bệnh và thực hiện các nghiên cứu (đối với dịch hại lạ);
- Thực hiện công tác khuyến nông trong phòng chống dịch.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

**Điều 5.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Công báo Chính phủ, Website Chính phủ;
- Website Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Chi cục BVTV/Trồng trọt và BVTV các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, TTTV.

**BỘ TRƯỞNG**  
(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch

Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 2: Quyết định công bố hết dịch hại thực vật

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường căn cứ vào báo cáo của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật quyết định công bố hết dịch.

- Bước 3: Công khai Quyết định công bố hết dịch

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phụ lục 13 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

- Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phụ lục 14 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch ở trung ương (Phụ lục 15 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định công bố hết dịch hại theo mẫu Phụ lục 15 ban hành kèm theo Tiêu

chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phụ lục 13 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

- Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phụ lục 14 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch ở trung ương (Phụ lục 15 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì người có thẩm quyền công bố dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định công bố hết dịch.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

**Phụ lục 13**

**Tờ trình đề nghị công bố hết dịch ở trung ương**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC TRỒNG TRỌT  
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-TTTr

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị công bố hết dịch (tên dịch hại).....hại (tên cây trồng)..... trên  
địa bàn .....**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

*Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:*

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất.

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên.

*(Báo cáo chi tiết kèm theo)*

Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Bộ trưởng phê duyệt và quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ Kế hoạch- Tài chính;
- .....
- Lưu: VT, TTTr.

**CỤC TRƯỞNG**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
CỤC TRỒNG TRỌT  
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Phụ lục 14**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTTTV-TV

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CHỐNG DỊCH**

*(tên sinh vật gây hại) ... **hại** (tên cây trồng) .... trên địa bàn .....*

*(Kèm theo Tờ trình số: ...../TTr-TTTV ngày ..... của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*

**I. KẾT QUẢ CHỐNG DỊCH**

1. Nhận định tình hình dịch hại (Thời tiết, giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng, thống kê diện tích nhiễm của dịch hại).
2. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo thực hiện.
3. Kết quả chống dịch.
4. Dự báo xu hướng phát sinh của dịch hại.

**II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

- Đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn ...;
- Giải pháp quản lý dịch hại bền vững.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Vụ Kế hoạch- Tài chính;
- .....
- Lưu: VT, TTTV.

**CỤC TRƯỞNG**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 15**  
**Quyết định công bố hết dịch ở Trung ương**  
**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:      /QĐ-BNNMT

....., ngày      tháng      năm 20

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố hết dịch (tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng) ..... trên địa  
bàn các tỉnh/ vùng .....**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Nghị định 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;*

*Xét đề nghị của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại Tờ trình số      /TTr-TTTV ngày ... tháng ... năm....,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố hết dịch (tên dịch hại) trên phạm vi.... từ thời gian .....

**Điều 2.** Giao các cơ quan, ban, ngành chịu trách nhiệm:

Một số nội dung tham khảo:

*Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết định công bố hết dịch; Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên đồng ruộng, thực hiện các biện pháp phòng, trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại của dịch hại; Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc dự báo dịch hại, duy trì chế độ báo cáo và báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.*

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

**Điều 4.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;

.....

- Lưu: VT, TTTV.

**BỘ TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu)

### **3. Tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Báo cáo về tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (sau đây gọi tắt là vật thể)

Căn cứ vào quy định tại Điều 8 và Điều 10 của Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xác định cụ thể loại vật thể phải tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu; nguyên nhân phải tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu đối với một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhất định và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 2: Quyết định tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường căn cứ báo cáo của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để xem xét, trong trường hợp cần thiết tổ chức họp lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan trước khi quyết định tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể. Quyết định tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể phải quy định cụ thể các nội dung sau:

+ Tên vật thể bao gồm cả tên khoa học;

+ Tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà từ đó vật thể được xuất khẩu sang Việt Nam hoặc nhập khẩu từ Việt Nam;

+ Nguyên nhân phải tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu bao gồm cơ sở pháp lý và cơ sở khoa học;

- Bước 3: Công bố Quyết định

Quyết định có hiệu lực sau 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày ký và trong thời hạn 24 giờ phải được công bố chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về kiểm dịch thực vật của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo Quyết định tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định tạm ngừng hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu vật thể.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*\* Tạm ngừng xuất khẩu vật thể trong các trường hợp sau đây:*

- Vật thể có nguy cơ cao mang theo đối tượng kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu và chưa có biện pháp xử lý triệt để;

- Vật thể đã bị vi phạm quy định của nước nhập khẩu mà chưa có biện pháp khắc phục triệt để nguyên nhân vi phạm và có nguy cơ làm mất thị trường xuất khẩu.

*\* Tạm ngừng nhập khẩu vật thể trong các trường hợp sau đây:*

- Vật thể nhập khẩu từ quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao mang theo đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam mà chưa có biện pháp xử lý triệt để;

- Vật thể nhập khẩu từ một quốc gia, vùng lãnh thổ bị phát hiện nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ mà cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở trung ương đã có thông báo về việc không tuân thủ quy định kiểm dịch thực vật của Việt Nam;

- Vật thể từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có thông tin chính thức về sự bùng phát đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

*\* Cấm xuất khẩu vật thể trong các trường hợp sau đây:*

- Vật thể thuộc Danh mục cấm nhập khẩu của nước nhập khẩu;

- Vật thể không có biện pháp xử lý đáp ứng quy định của nước nhập khẩu.

*\* Cấm nhập khẩu vật thể trong các trường hợp sau đây:*

- Vật thể nhập khẩu từ quốc gia, vùng lãnh thổ được xác định có nguy cơ cao mang theo đối tượng kiểm dịch thực vật, đe dọa sản xuất nông nghiệp trong nước, an ninh lương thực quốc gia mà không có biện pháp xử lý triệt để;

- Vật thể nhập khẩu đã bị áp dụng biện pháp xử lý tạm ngừng nhập khẩu nhưng vẫn không áp dụng các biện pháp khắc phục hoặc đã áp dụng nhưng vẫn không đáp ứng được các quy định kiểm dịch thực vật nhập khẩu của Việt Nam.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

#### **4. Tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Báo cáo về tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (sau đây gọi tắt là vật thể).

Căn cứ vào quy định tại Điều 9 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm tra, giám sát, xác nhận việc thực hiện hiệu quả các biện pháp khắc phục và báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 2: Quyết định tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể.

+ Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường căn cứ báo cáo của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật xem xét để quyết định tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể.

- Bước 3: Công bố Quyết định

Quyết định tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể có hiệu lực kể từ ngày ký và trong thời hạn 24 giờ phải được công bố chính thức trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền về kiểm dịch thực vật của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo Quyết định tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định tiếp tục xuất khẩu, nhập khẩu vật thể.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

*\* Điều kiện để tiếp tục xuất khẩu vật thể:*

- Vật thể đã được áp dụng đầy đủ các biện pháp theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền;

- Vật thể đã được kiểm tra, giám sát, xác nhận việc thực hiện hiệu quả các biện pháp khắc phục được các nguy cơ quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định số

116/2014/NĐ-CP.

*\* Điều kiện để tiếp tục nhập khẩu vật thể*

- Vật thể đã được cơ quan kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu báo cáo xác định nguyên nhân bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật và đã áp dụng các biện pháp xử lý triệt để;

- Vật thể đã được kiểm tra, giám sát, xác nhận hiệu quả thực hiện các biện pháp khắc phục được các nguy cơ quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

**5. Quyết định việc hỗ trợ chống dịch hại thực vật và triển khai việc hỗ trợ chống dịch**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quyết định việc hỗ trợ chống dịch và triển khai việc hỗ trợ chống dịch.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo Quyết định việc hỗ trợ chống dịch và triển khai việc hỗ trợ chống dịch.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định việc hỗ trợ chống dịch.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.

## **6. Quyết định xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia để kịp thời chống dịch**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong trường hợp đột xuất, cấp bách khi có dịch và căn cứ vào đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dịch, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia để kịp thời chống dịch có giá trị tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật ngân sách nhà nước.

- Bước 2: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời thông báo với Bộ Tài chính về việc xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Dự thảo Quyết định xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trường hợp vượt quá thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xuất, cấp thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

- Luật Dự trữ quốc gia năm 2012.

## **7. Quyết định về số lượng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Danh mục, số lượng thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục, số lượng thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Dự thảo Quyết định danh mục, số lượng thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định danh mục, số lượng thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013

## **II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT.**

### **1. Phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Chiến lược phát triển trồng trọt.

- Bước 2: Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Phê duyệt Chiến lược

phát triển trồng trọt.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Trồng trọt năm 2018.

## **2. Xây dựng đề án, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng đề án, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trình cấp có thẩm quyền.

- Bước 2: Cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cấp có thẩm quyền

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cấp có thẩm quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Phê duyệt đề án, chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

## **3. Đánh giá, xếp hạng năng lực thực hiện việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt của các tổ chức**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổng hợp kết quả thực hiện việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt của các tổ chức.

- Bước 2: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện đánh giá, xếp hạng năng lực thực hiện việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt và công bố công khai kết quả đánh giá, xếp hạng năng lực thực hiện việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Đánh giá, xếp hạng năng lực thực hiện việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt;

- Công bố công khai kết quả đánh giá, xếp hạng năng lực thực hiện việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 18/2019/TT-BNNPTNT quy định việc cung cấp thông tin, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt.

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

### **I. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT**

#### **1. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Báo cáo tình hình sinh vật gây hại

Căn cứ điều kiện công bố dịch hại thực vật quy định tại Điều 4 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP, Chi cục Bảo vệ thực vật/Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình dịch hại, các số liệu thực tế chứng minh đủ điều kiện công bố dịch và sự cần thiết phải công bố dịch, đề xuất phạm vi công bố dịch và các giải pháp chống dịch.

- Bước 2: Quyết định công bố dịch hại thực vật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật và báo cáo ngay Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền công bố dịch thành lập Hội đồng tư vấn để lấy ý kiến. Hội đồng do người có thẩm quyền công bố dịch hoặc cấp phó của người đó làm Chủ tịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường làm Phó Chủ tịch, thành viên là đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo vệ thực vật. Hội đồng tư vấn có trách nhiệm xem xét báo cáo của Chi cục Bảo vệ thực vật/ Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, đề xuất với người có thẩm quyền về việc công bố dịch, phạm vi công bố dịch, các giải pháp chống dịch.

- Bước 3: Công bố Quyết định

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công bố dịch, Quyết định công bố dịch phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương; chính quyền địa phương nơi công bố dịch phải thông báo cho chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn biết và thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố dịch của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Báo cáo tình hình sinh vật gây hại của Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 3 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục 4 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

\* Công bố dịch hại thực vật trong trường hợp: Khi sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

\* Đối với sinh vật gây hại thực vật không thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật, không phải là sinh vật gây hại lạ thì phải đảm bảo hai điều kiện sau:

- Sinh vật gây hại thực vật gia tăng đột biến cả về số lượng, diện tích, mức độ gây hại so với trung bình của 02 (hai) năm trước liền kề của thời điểm công bố dịch và dự báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh trở lên; có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, môi trường, đời sống nhân dân, vượt quá khả năng kiểm soát của chủ thực vật;

- Các biện pháp quản lý sinh vật gây hại đã được chủ thực vật áp dụng theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật nhưng chưa đạt hiệu quả, phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh trong một thời gian nhất định để nhanh chóng khống chế, dập tắt dịch.

\* Đối với sinh vật gây hại thực vật là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ

Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ xuất hiện hoặc xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam, có nguy cơ thiết lập quần thể, lây lan ra diện rộng mà phải áp dụng các biện pháp khẩn cấp, bắt buộc chủ thực vật, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn có dịch thực hiện nghiêm chỉnh để nhanh chóng bao vây và xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013;

- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

**Phụ lục 2**

**Tờ trình đề nghị công bố dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị công bố dịch (tên dịch hại).....trên (tên cây trồng).....  
trên địa bàn .....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh .....

Nội dung tờ trình gồm 3 phần như sau:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất (trong đó có các phương án chống dịch khả thi).

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên (hỗ trợ, bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện việc chống dịch hiệu quả).

(Đính kèm Báo cáo tình hình dịch hại thực vật đề nghị công bố dịch tại địa phương của Chi cục Bảo vệ thực vật/Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố phê duyệt và ra quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

...

- Lưu:

**GIÁM ĐỐC**

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Phụ lục 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO**

**Tình hình** (tên sinh vật gây hại) .... (tên cây trồng) .... **trên địa bàn** .....

(Kèm theo Tờ trình số .... Ngày .... của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh....

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI**

1. Thời tiết (tỉnh/vùng): Tình hình thời tiết hiện tại có liên quan đến sinh trưởng, phát triển của cây trồng và dịch hại.

2. Các giai đoạn sinh trưởng, phát triển

Báo cáo tổng diện tích gieo trồng, giống, giai đoạn sinh trưởng của cây trồng trong thời điểm hiện tại.

3. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại: Thống kê diện tích nhiễm, mật độ, tỷ lệ của dịch hại, so sánh với cùng kỳ 2 năm trước liền kề (bảng thông kê kèm theo)

**II. BIỆN PHÁP KỸ THUẬT ĐÃ THỰC HIỆN**

1. Các biện pháp kỹ thuật, tổ chức chỉ đạo đã thực hiện

(Các biện pháp kỹ thuật đã áp dụng để xử lý, thời gian áp dụng các biện pháp xử lý, các văn bản chỉ đạo phòng trừ đã thực hiện)

2. Kết quả phòng trừ.

**III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI**

1. Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đến phát sinh, hình thành dịch

*Gồm: Giai đoạn sinh trưởng phát triển của cây trồng; Các yếu tố canh tác, mật độ gieo trồng; Yếu tố thời tiết; Tuổi sâu, tỷ lệ/cấp bệnh; Diện tích, mức độ môi giới truyền bệnh (nếu là dịch hại có môi giới truyền bệnh); Nguồn dịch hại trên ký chủ phụ có khả năng lan truyền.*

2. Dự kiến :

- Diện tích nhiễm, mức gây hại của dịch hại trong thời gian tới;

- Khoảng thời gian (cao điểm) bùng phát dịch hại;

- Địa điểm bùng phát dịch hại;

- Khả năng gây thiệt hại năng suất (%).

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

- Trung tâm TTTV vùng;

- .....

- Lưu: VT, TTTV.

**GIÁM ĐỐC**

(ký tên, đóng dấu)

# SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

## BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHIỄM (tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng) .....

Đến ngày ..... tháng..... năm ...

(Kèm theo Tờ trình số :... ngày... tháng ... năm... của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

| STT | Tỉnh/Huyện/Xã | Giai đoạn<br>sinh<br>trưởng<br>của cây<br>trồng | Diện tích nhiễm (ha)                      |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>dự kiến<br>(ha) | Ghi chú |
|-----|---------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------|---------|
|     |               |                                                 | Tổng số                                   |                                                         |                                                   | Nặng                                      |                                                       |                                                   | Mất trắng                                 |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện tại<br>(ha) | Diện tích<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(ha) * | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(%) | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện tại<br>(ha) | Diện<br>tích TB<br>02 năm<br>trước<br>liền kề<br>(ha) | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(%) | Diện<br>tích<br>nhiễm<br>hiện<br>tại (ha) | Diện tích<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(ha) | So với<br>TB 02<br>năm<br>trước<br>liền kề<br>(%) |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |
|     |               |                                                 |                                           |                                                         |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                           |                                                       |                                                   |                                          |         |

(\* )Tổng diện tích nhiễm của 02 năm liền kề chia trung bình

**Phụ lục 4****Quyết định công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố dịch (tên dịch hại)..... hại (tên cây trồng) .... trên địa bàn  
(xã/huyện/tỉnh) .....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

Các căn cứ Pháp lý;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: ...  
ngày ... tháng ... năm .....,**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố dịch (tên dịch hại)..... hại (tên cây trồng) ..... trên phạm  
vi (xã/huyện/tỉnh)..... từ ngày .....**Điều 2.** Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể)*Một số nội dung tham khảo:**- Khẩn trương thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành khi có công bố  
dịch. Báo cáo thường xuyên về diễn biến tình hình dịch bệnh, kết quả chỉ đạo chống  
dịch;**- Tham mưu xây dựng dự toán kinh phí chống dịch; bố trí kinh phí đầy đủ để  
tổ chức chống dịch bệnh; khôi phục sản xuất;**- Tổ chức tuyên truyền cho nông dân về tác hại ... và biện pháp chống dịch.***Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.Các cơ quan đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành  
Quyết định này./.**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- ....
- Lưu:..

## **2. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch

Khi dịch hại thực vật đã được khống chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì Chi cục Bảo vệ thực vật/ Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Quyết định công bố hết dịch hại thực vật

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào báo cáo của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định công bố hết dịch đối với trường hợp sinh vật gây hại thực vật bùng phát, có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đối với thực vật.

- Bước 3: Công bố Quyết định

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi người có thẩm quyền ký Quyết định công bố hết dịch, Quyết định phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương và địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã / huyện/ tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh/thành phố.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch hại theo mẫu Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Tờ trình đề nghị công bố hết dịch hại thực vật của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phụ lục 6 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV);

- Dự thảo Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã / huyện/ tỉnh (Phụ lục 7 ban hành kèm theo Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Khi dịch hại thực vật đã

được không chế và không còn nguy cơ gây thiệt hại nghiêm trọng thì người có thẩm quyền công bố dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật quyết định công bố hết dịch.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013.
- Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.
- Tiêu chuẩn cơ sở 661: 2018/BVTV quy trình công bố dịch và công bố hết dịch ban hành kèm theo Quyết định số 146/QĐ-BVTV-KH ngày 16/01/2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

### **Phụ lục 6**

**Tờ trình đề nghị công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày..... tháng .....năm 20.....

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị công bố hết dịch (tên dịch hại).....hại (tên cây trồng).....**  
**trên địa bàn .....**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh .....

Nội dung Tờ trình gồm 3 phần chính:

*Phần 1:* Nêu lý do đưa ra nội dung trình duyệt.

*Phần 2:* Nội dung và căn cứ các vấn đề cần đề xuất.

*Phần 3:* Kiến nghị cấp trên.

*(Đính kèm báo cáo kết quả chống dịch và đề xuất công bố hết dịch của Chi cục Bảo vệ thực vật/ Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)*

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch phê duyệt và ra quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;

...

- Lưu:

#### **GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 7****Quyết định công bố hết dịch trên địa bàn xã/huyện/tỉnh****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố hết dịch (tên dịch hại) ..... hại (tên cây trồng) ..... trên  
địa bàn (xã/huyện/tỉnh) .....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ**

.....

Các căn cứ Pháp lý;

Căn cứ khả năng và tình hình thực tế của (tên dịch hại).....hại (tên cây  
trồng) ..... hiện nay trên địa bàn toàn (xã, huyện, tỉnh)Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số: ....  
ngày ...tháng ... năm .....,**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công bố hết dịch (tên dịch hại)...trên phạm vi ... từ (thời gian) .....**Điều 2.** Giao các sở, ban, ngành (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm:*Một số nội dung tham khảo:**- Thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về Quyết định  
công bố hết dịch;**- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ diễn biến của dịch hại trên đồng  
ruộng, thực hiện các biện pháp phòng, trừ, ngăn ngừa sự bùng phát trở lại của  
dịch hại;**- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện việc dự báo dịch hại, duy trì chế độ  
báo cáo; báo cáo ngay khi dịch có nguy cơ bùng phát trở lại.***Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.Các cơ quan, đơn vị tại địa phương (nêu tên cụ thể) chịu trách nhiệm thi hành  
Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- ....
- Lưu.

**CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)*

## **II. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

### **1. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; thời gian ban hành trước 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch.

#### **b) Cách thức thực hiện: Không quy định.**

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định.**

d) Thời hạn giải quyết: Ban hành Kế hoạch: Trước 30 tháng 11 năm trước của năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp tỉnh.

#### **f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**

#### **g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

#### **h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.**

#### **i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.**

#### **k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.**

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Phụ lục I**

**MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI  
CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP TỈNH**  
(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ ...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ- ...

..., ngày ... tháng... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi  
trên đất trồng lúa năm ...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ...của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của tỉnh ...;*

*Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Theo đề nghị ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...”.

*(Bản kế hoạch kèm theo)*

**Điều ...**

**Điều ...**

**Nơi nhận:**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ**

...

...

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**KẾ HOẠCH**  
**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI**  
**TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM ...**

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ... tháng... năm ...  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)

Đơn vị tính: ha

| STT | Huyện                                     | Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha) |                      |                       |               | ... |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------|-----|
|     |                                           | Tổng diện tích                         | Đất chuyên trồng lúa | Đất trồng lúa còn lại |               |     |
|     |                                           |                                        |                      | Đất lúa 01 vụ         | Đất lúa nương |     |
|     | Tổng số                                   |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây hàng năm                        |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây lâu năm                         |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trong đó:                                 |                                        |                      |                       |               |     |
| 1   | Huyện A                                   |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây hàng năm                        |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây lâu năm                         |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản |                                        |                      |                       |               |     |
| 2   | Huyện B                                   |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây hàng năm                        |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây lâu năm                         |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản |                                        |                      |                       |               |     |
| 3   | Huyện ....                                |                                        |                      |                       |               |     |
| ... | .....                                     |                                        |                      |                       |               |     |

## **2. Ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xây dựng Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Trong thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) để tổng hợp.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định ban hành Danh mục loài cây trồng thuộc các loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu trên địa bàn tỉnh.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu.

## **3. Lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung**

a) Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung phù hợp với quy hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch, đề án phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Trồng trọt năm 2018.

**4. Xác định, công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa**

- a) Trình tự thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định, công bố vùng và hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.
- b) Cách thức thực hiện: Không quy định.
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.
- d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố vùng sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa.
- h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.
- i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.
- k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.
- l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Trồng trọt năm 2018.

## **C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

### **I. Lĩnh vực Trồng trọt**

#### **1. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện**

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa phạm vi toàn huyện theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; thời gian ban hành trước ngày 15 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Dự thảo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

d) Thời hạn giải quyết:

Ban hành Kế hoạch: Trước ngày 15 tháng 12 năm trước của năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Phụ lục II**  
**MẪU QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI**  
**CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP HUYỆN**  
*(Kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  
**THÀNH PHỐ/THỊ XÃ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ- ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi**  
**trên đất trồng lúa năm ...**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ/THỊ XÃ...**

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân ... quy định về chức năng, nhiệm vụ của huyện ...;*

*Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ...tháng ...năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;*

*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-... của Ủy ban nhân dân tỉnh ... về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm...;*

*Theo đề nghị ....*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...”.

*(Bản kế hoạch kèm theo)*

**Điều ...**

**Điều ...**

**Nơi nhận:**

...

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  
**THÀNH PHỐ/THỊ XÃ ...**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**KẾ HOẠCH**  
**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI**  
**TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM ...**

(Kèm theo Quyết định số... /QĐ-UBND ngày ... tháng... năm ...  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã...)

Đơn vị tính: ha

| STT | Xã/phường/thị trấn                        | Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha) |                      |                       |               |     |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|-----------------------|---------------|-----|
|     |                                           | Tổng diện tích                         | Đất chuyên trồng lúa | Đất trồng lúa còn lại |               | ... |
|     |                                           |                                        |                      | Đất lúa 01 vụ         | Đất lúa nương |     |
|     | <b>Tổng số</b>                            |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây hàng năm                        |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây lâu năm                         |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản |                                        |                      |                       |               |     |
|     | <b>Trong đó:</b>                          |                                        |                      |                       |               |     |
| 1   | <b>Xã/phường/thị trấn A</b>               |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây hàng năm                        |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây lâu năm                         |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản |                                        |                      |                       |               |     |
| 2   | <b>Xã/phường/thị trấn B</b>               |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây hàng năm                        |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng cây lâu năm                         |                                        |                      |                       |               |     |
|     | Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản |                                        |                      |                       |               |     |
| 3   | <b>Xã/phường/thị trấn ...</b>             |                                        |                      |                       |               |     |
| ... | ...                                       |                                        |                      |                       |               |     |

## **D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

### **I. Lĩnh vực Trồng trọt**

#### **1. Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã**

a) Trình tự thực hiện:

Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và nhu cầu chuyển đổi của người sử dụng đất trồng lúa; Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi trên địa bàn xã trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

**Phụ lục III**  
**MẪU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG,**  
**VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP XÃ**  
*(Kèm theo Nghị định số     /2024/NĐ-CP ngày     tháng     năm 2024 của Chính phủ)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số .../KH ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

**KẾ HOẠCH**  
**CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA**  
**NĂM ...**

*Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.*  
*Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng năm ... của Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã ...về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...*  
*Căn cứ vào nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã/phường/thị trấn.*  
Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa năm .... như sau:

| STT | Loại cây trồng/<br>thủy sản chuyển đổi   | Diện tích đất lúa được chuyển đổi<br>(ha) |                      |                          |                  | Thời gian<br>chuyển<br>đổi | Số thửa | Tờ bản<br>đồ số |
|-----|------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------|--------------------------|------------------|----------------------------|---------|-----------------|
|     |                                          | Tổng<br>diện<br>tích                      | Đất<br>chuyên<br>lúa | Đất trồng lúa<br>còn lại |                  |                            |         |                 |
|     |                                          |                                           |                      | Đất<br>lúa 01<br>vụ      | Đất lúa<br>nương |                            |         |                 |
| I   | Trồng cây hàng năm                       |                                           |                      |                          |                  |                            |         |                 |
|     | ...                                      |                                           |                      |                          |                  |                            |         |                 |
| II  | Trồng cây lâu năm                        |                                           |                      |                          |                  |                            |         |                 |
|     | ...                                      |                                           |                      |                          |                  |                            |         |                 |
| III | Trồng lúa kết hợp nuôi<br>trồng thủy sản |                                           |                      |                          |                  |                            |         |                 |
|     | ...                                      |                                           |                      |                          |                  |                            |         |                 |